

Phụ lục 1. DANH SÁCH CÁC THUỐC ĐƯỢC LỰA CHỌN

Đính kèm Thông báo kết quả xét chọn số 23/TB-TM/H ngày 21/9/2026/

STT	Mã thuốc mặt khác nếu có	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nhà sản xuất	Nhãn TCKT	SDK hoặc GPVN	Mô tả ngắn nếu được chấp	Đơn giá trung tâm nếu được chấp (VNĐ)	Đơn giá đã trả công nếu được chấp (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Vào kho thuốc
1	XCI9	Ergomet	Ergomet	300mg	Viên nang cứng	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Korea Prima Pharm Co., Ltd./Korea	N2	880110018724 (VN-20789-17)	Bệnh viện Phúc Trung ương, quyết định số 02/QĐ-1118/Gm-BV/PTW, Ansonen/PTW, báo lực số ngày 29/7/2024	5.195	5.195	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	
2	XCI7	HALIXOL	Ammonol hydrochloride	15mg/1ml	Uống	Lọ	Hộp 1 lọ 100ml	Ega Pharmaceuticals Private Limited Company, Hungary	N1	VN-17427-13	Bệnh viện Tân Hà Nội, quyết định số 948/QĐ-BVT ngày 13/2/2023, báo lực số ngày 13/2/2027	58.500	58.500	Công ty Cổ phần DP Bình Trị	
3	XCI6	Neerol 100mg/5 ml	Cefazolin	100mg/5ml, 40 ml	Uống	Chai	Hộp 1 chai x 40ml, có kèm mẫu, đóng liều 5ml	Laboratorios Anel S.A., Portugal	N1	540110131025	Bệnh viện Nhũ Trung ương, quyết định số 1720/QĐ-BVNTW ngày 08/05/2024, báo lực số ngày 8/5/2027	250.000	250.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm AS Pharma	
4	XCI6	Acryderm Sella 800mg	Acryderm	800mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 3 viên	Công ty TNHH Liên doanh Sullingham - Chi nhánh 1 Việt Nam	N1	891110039500 (VD-23346-15)	Trung tâm Khám chuyên sâu, quyết định số 144/QĐ-KNTMPT ngày 17/2/2024, báo lực số ngày 16/2/2028	4.000	4.000	Công ty cổ phần Dược phẩm Gsa Linh	
5	XCI1	Sasomex	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	100mg + 200mg + 2000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Sullingham - Chi nhánh 1 Việt Nam	N2	891110153423 (VD-22877-15)	Trung tâm Khám chuyên sâu, quyết định số 442/QĐ-TTTH, ngày QĐ 09/06/2024, báo lực số ngày 08/6/2027	1.200	1.200	Công ty cổ phần Dược phẩm Gsa Linh	Vào kho thuốc theo lịch và quyết định của ban thuốc cấp phó thuốc trong kho của các Bệnh viện nhà công tác ban TP Hà Nội.
6	XCI0	Serevula	Procetum	2500mg	Uống	Dạng dịch thuốc	Hộp 30 ống x 7,5ml	Công ty cổ phần Dược VTYT Hà Dương - Việt Nam	N4	891110131523	Bệnh viện Đa khoa y dược, quyết định số 99/QĐ-BVĐHTD ngày 21/01/2024, báo lực số ngày 31/2/2027	13.750	13.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Trang	
7	XCI3	Mefast 200mg	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin proval)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Meiji Pharma Spain, S.A- Tây Ban Nha	BDO	840110070323	BV Bình Nhâm, quyết định số 531/QĐ-BN, báo lực số ngày 08/09/2027	29.800	29.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thọ	

STT	Mã thuốc mặt khác gđ	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhưng chỉ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất, nước sản xuất	Nhãn hiệu	Số K hoặc GPNK	Kết quả kiểm tra chất lượng	Đơn giá trung tâm dược (VNĐ)	Đơn giá ngại công dự (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Yêu cầu khác
8	XCM4	Bluprel 400	Sulfamonomexil + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên tròn	viên	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Adamed Pharma S.A - Ba Lan	N1	VN-21019-22	BV Bình Hòa, quyết định số 7172/QĐ-BHX, hình lưu từ ngày 05/11/2027	2.500	2.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận Thảo	
9	XCM7	Banjal Cream	Tetradolol Hydrochloride	1%	Kem dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 15g	Apurgen Biologics Inc - Hàn Quốc	N2	880100722324 (VN-22464-19)	Bệnh viện Đa học Y Dược, quyết định số 141/QĐ- DVTYTĐ, hình lưu từ ngày 20/04/2023	67.600	67.600	Công ty cổ phần Dược phẩm Thuận Vân	Yêu cầu được hình cảm tác vụ gửi, cảm hào nguyên tắc gửi hào thuốc các gói thuốc trong nhà của các Bệnh viện nhà cung cấp hóa TP Hà Nội.
10	XCM8	Valden	Diamin	20mg	Uống	Viên tròn	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty CTDP Đà Nẵng Pha - Việt Nam	N2	893110151924	Công ty CP Bình vĩnh DKQT Vinh, quyết định số 897025/QĐ- VINAEC, hình lưu từ ngày 31/12/2026	8.600	8.770	Công ty Cổ phần Pharm Việt Nam	
11	XCM7	Chebet	Cefpodoxime (dạng dùng Cefpodoxime proxetil)	50mg/1,5g	Uống	Cốm pha hòa dịch uống	Gói	Hộp 20 gói x 1,5g	Công ty Cổ phần Típ Dinh Mergo Việt Nam	N3	893110151925 (VD-28340-17)	Sở Y Tế Cần Thơ, quyết định số 1006/QĐ-STY, hình lưu từ ngày 24/04/2023	6.000	6.000	Công ty cổ phần hợp doanh Mergo	
12	XCM6	Exatone Nervex 10mg Oxetuprinable Tablets	Exatone	10mg	Uống	Viên tròn phân tán trong nước	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Laboratorios Neuron S.A. - Spain	N1	840110021023 (VN-22104-19)	Bệnh viện Trung ương, quyết định số 889/QĐ-BV, hình lưu từ ngày 22/2027	9.700	9.600	Công ty TNHH Dược phẩm Bình Châm	
13	XCM1	Muremyrt	Acetylsalicylic	200mg	Uống	Bột pha dùng dịch uống	Gói	Hộp 18 gói	Upas Sas - Pháp	N1	300100348324	Bệnh viện Phụ Sản Thị trấn Phú Cầu Thị trấn, quyết định số 840/QĐ-BVPS ngày 17/04/2026, hình lưu từ ngày 17/04/2023	3.021	3.021	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN GICAMED	
14	XCM8	Ataxin	Dextromethorphan HBr + Chlorpheniramine maleate + Trendium citrat diphosphate + Amonium chloride + Glycyrrhizic Acid	(5mg + 1,3)mg + 13)mg + 50mg + 50mg/5ml	Uống	Siro	Chai	Hộp 1 chai 60ml	Công ty TNHH United International Pharma/ Việt Nam	N4	893110641124	Bệnh viện Nhà Trung ương, quyết định số 2040/QĐ- BVNTYT, ngày 04/06/2026, hình lưu từ ngày 04/06/2027	22.000	22.000	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN GICAMED	
15	XCM9	Ataxin	Amonium Chloride + Chlorpheniramine Maleate + Dextromethorphan HBr + Glycyrrhizic acid + (Gualfenesin) + Sodium citrat (Trimodium Citrat Dihydrat)	50mg + 1mg + 10mg + 50mg + 13)mg	Uống	Viên tròn	Viên	Hộp 25 vỉ x 4 viên	Công ty TNHH United International Pharma/ Việt Nam	N4	893110643234	Bệnh viện Nhà Trung ương, quyết định số 1720/QĐ- BVNTYT, ngày 08/03/2026, hình lưu từ ngày 08/03/2027	1.110	1.110	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN GICAMED	

STT	Nhà thuốc mã nhà phân	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Những chỉ định tương	Dạng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất nước ngoài	Nhãn TCKT	SĐK hoặc CPNK	Kết quả tương nhận được	Đơn giá trung bình tham chiếu (VNĐ)	Đơn giá đã điều chỉnh (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Yêu cầu khác
16	XCS3	Aerius	Desloratadine	5mg	Uống	Viên nén bào phủ	Viên	Hộp 1 x 10 viên	Organon Heist bv - Bỉ	BDG	54010003123	Bệnh viện Nhi Trung ương, quyết định số 1576/QĐ- BYNTW ngày 23/04/2026, hiệu lực từ ngày 23/04/2027	9.520	9.520	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
17	XCS5	Mefral	Mefloquine	1mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 3 x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L./Italy	BDG	80010091824	BV Nhi Trung ương, quyết định số 1576/QĐ-BYNTW, hiệu lực từ ngày 23/04/2027	3.672	3.672	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
18	XCS6	Mefral	Mefloquine	4mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 3 x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L./Italy	BDG	80010046323	BV Nhi Trung ương, quyết định số 1576/QĐ-BYNTW, hiệu lực từ ngày 23/04/2027	983	983	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
19	XCS7	Singulair	Montelukast (dạng Montelukast natri)	10mg	Uống	Viên nén bào phủ	Viên	Hộp 2 x 14 viên	Organon Pharma (UK) Limited - Anh (CSĐC: Merck Sharp & Dohme B.V. - Hà Lan)	BDG	50010412923	Bệnh viện Nhi Trung ương, quyết định số 1576/QĐ- BYNTW ngày 23/04/2026, hiệu lực từ ngày 23/04/2027	13.502	13.502	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
20	XCS8	Singulair 5mg	Montelukast (dạng Montelukast natri)	5mg	Uống	Viên nén rất	Viên	Hộp 2 x 14 viên	Organon Pharma (UK) Limited - Anh (CSĐC: Merck Sharp & Dohme B.V. - Hà Lan)	BDG	VN-2019-17 (CĐ QĐ gia hạn số 265/QĐ-QĐLD ngày 11/05/2022)	Bệnh viện Nhi Trung ương, quyết định số 1576/QĐ- BYNTW ngày 23/04/2026, hiệu lực từ ngày 23/04/2027	13.502	13.502	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
21	XCS9	Carisoon Dual Active	Neri alginat + Neri bicarbonat + Canxi carbonat	(500mg + 213mg + 32mg)/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	Hộp 24 gói x 10ml	Rectin Benckiser Healthcare (UK) Limited - Anh	N1	50010079234	Bệnh viện Đa khoa địa Hà Tĩnh, quyết định số 2212/QĐ- BYĐKT ngày 22/12/2025, hiệu lực từ ngày 21/12/2027	7.422	7.422	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
22	XCS1	Betadine Ointment 10% w/w	Povidone iod	10% (RUM)	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tộp	Hộp 1 hộp 40g	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd - Cyprus	N1	VN-2017-11 (CĐ QĐ gia hạn số 991/QĐ-QĐLD ngày 12/02/2024)	Bệnh viện Cho Ray, quyết định số 1765/QĐ-BYCR ngày 22/04/2025, hiệu lực từ ngày 22/04/2027	51.240	51.240	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	
23	XCS3	Bleipid	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai 80ml	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Mediana branch in Sieradz Ba Lan	N1	VN-2010-17 (CĐ QĐ gia hạn số 401/QĐ-QĐLD ngày 14/02/2023)	BVĐK Xanh Pôn, quyết định số 1907/QĐ- BYĐKTP, hiệu lực từ ngày 29/12/2026	100.000	100.000	CÔNG TY THANH DƯỢC PHAM GIGAMED	

STT	Mã thuốc môi chào gửi	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	SĐK hoặc CPNK	Kết quả tương đảm tham chiếu	Đơn giá trung tâm tham chiếu (VNĐ)	Đơn giá đã ngặt cung cấp (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Yêu cầu khác
24	XCC4	Effient	Cefixime	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ x 10 viên	S.C. Antibiotics S.A/ Ruman	N1	VN-22866-21	Bệnh viện 19-4, B9 Công an, quyết định số 2076/QĐ-BV19- 8, hiệu lực từ ngày 20/05/2027	23.500	22.000	Công ty TNHH Dược phẩm Hân Anh	
25	XCC8	Albax	Trimoxadolin	120mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplanet/ Việt Nam	N4	893410110024 (VD-18786-13)	Viện Huyết học Troyen mẫu Trung ương, quyết định số 517/QĐ-HHTM, hiệu lực từ ngày 04/03/2027	5.300	5.300	Công ty TNHH Dược phẩm Hân Anh	
26	XCI9	Palmicort Respiris	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Dùng hà hấp	Hỗn dịch hít dùng xông dễ hít	Ông	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Astrazenca Pty. Ltd. - Úc	BDG	VN-22715-21	Viện Huyết học - Troyen mẫu Trung ương, quyết định số 1114/QĐ-HHTM ngày 19/06/2026, hiệu lực từ ngày 19/06/2027	13.834	13.834	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	
27	XCC0	Nestam Magn	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrat)	20mg	Uống	Viên nén không dính dễ nuốt	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Astrazenca AB - Thụy Điển	BDG	VN-19783-16	Viện Huyết học - Troyen mẫu Trung ương, quyết định số 1114/QĐ-HHTM ngày 19/06/2026, hiệu lực từ ngày 19/06/2027	22.456	22.456	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	
28	XCC1	Nestam Magn	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén không dính dễ nuốt	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Astrazenca AB - Thụy Điển	BDG	VN-19783-16	Viện Huyết học - Troyen mẫu Trung ương, quyết định số 1114/QĐ-HHTM ngày 19/06/2026, hiệu lực từ ngày 19/06/2027	22.456	22.456	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	
29	XCC2	Nestam	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrat)	10mg	Uống	Cốm không dính dễ nuốt dễ hòa tan dễ uống	Gói	Hộp 28 gói	Astrazenca AB - Thụy Điển	BDG	VN-17834-14	Viện Huyết học - Troyen mẫu Trung ương, quyết định số 1114/QĐ-HHTM ngày 19/06/2026, hiệu lực từ ngày 19/06/2027	22.456	22.456	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	
30	XCC50	Tasavac	Levodopa (dưới dạng Levodopa benhydrolat 512,46mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 5 viên nén bao phim	Opella Healthcare International SAS - Pháp	BDG	VN-19435-15	BV Tai Mũi Họng Trung ương, quyết định số KC2300135394_25 06/08/2023, hiệu lực từ ngày 18/06/2027	36.550	36.550	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	
31	XCC2	Rapafin	Rapafin (dưới dạng Rapafin fumarat)	10mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Novartis Health, S.A. - Tây Ban Nha	BDG	840110076423	BV Mắt Trung Uống, quyết định số 472/QĐ-BVNA/TTW, hiệu lực từ ngày 07/05/2028	6.500	6.500	Công ty TNHH Dược phẩm và TTBVT Hân Anh	

STT	Mã thuốc môi nhà gửi	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Những đặc, biệt, tương	Dạng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Nhãn TCKT	SDK hoặc CPNK	Kết quả kiểm tra, phân tích thực địa	Đơn giá trung tâm dược (VNĐ)	Đơn giá địa phương (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Vấn đề khác
32	XCI0	Cervin 1000mg	Amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate 1000mg) 875mg, Acid clavulanic (dạng dạng kali clavulanat 150mg) 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 10 vỉ x 8 viên	Sandoz GmbH- Áo	NI	888110456823	Bệnh viện Phòng Da liệu Trung ương Quảng Ngãi, quyết định số 110/QĐ- BVPHLTVQL, biên bản từ ngày 24/03/2027	5.946	5.946	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
33	XCI1	Augmentin 250mg/125mg	Amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dạng dạng kali clavulanat)	250mg + 125mg	Uống	Bộ pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	BD	VN-17444-13	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	16.680	16.680	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
34	XCI2	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dạng amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (Dạng dạng kali clavulanat)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals- Anh	BD	VN-20317-17	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	16.680	16.680	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
35	XCI3	Augmentin 500mg/62,5mg	Amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dạng dạng kali clavulanat)	500mg + 62,5mg	Uống	Bộ pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production/Pháp	BD	VN-16487-13	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	16.014	16.014	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
36	XCI4	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dạng dạng kali clavulanat)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Limited/ Anh	BD	VN-20169-16	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	11.936	11.936	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
37	XCI5	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 ml, hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate) và 42,5mg acid clavulanic (dạng dạng kali clavulanat), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 ml, hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate) và 42,5mg acid clavulanic (dạng dạng kali clavulanat), tỷ lệ 14:1	Uống	Bộ pha hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai chứa bộ pha 100ml, hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production/Pháp	BD	300110965424	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	422.400	422.400	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
38	XCI6	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 ml, hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate) và 42,5mg acid clavulanic (dạng dạng kali clavulanat), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 ml, hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dạng amoxicillin trihydrate) và 42,5mg acid clavulanic (dạng dạng kali clavulanat), tỷ lệ 14:1	Uống	Bộ pha hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai chứa bộ pha 50ml, hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production/Pháp	BD	300110965424	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	283.200	283.200	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
39	XCI1	Cefider	Cefider (dạng cefider mucosydinate)	125mg/5ml, 60ml	Uống	Cán pha hỗn dịch uống	Lo	Hộp 1 lo 60ml	ACS Dobler S.R.A./Ý	BD	800110067023	BV TW Quận Đống Đa, quyết định số 923/QĐ-BV, biên bản từ ngày 5/2/2027	104.790	104.790	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
40	XCI2	Zilalet tablets 250mg	Cefuroxim (dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Glaxo Operations UK Limited/ Anh	BD	VN-19963-16	Bệnh viện ĐAI HOC Y DUC, quyết định số 96/QĐ-BVHTD, biên bản từ ngày 27/3/2027	12.310	12.310	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	

STT	Mã thuốc môi trường gửi	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhãn TCKT	SBK hoặc GPVK	Kết quả kiểm tra theo chuẩn	Đơn giá trung tâm chăm sóc (VNĐ)	Đơn giá ngại cộng (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Yêu cầu khác
41	XC30	Klacid 250mg	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	AbbVie S.r.l./Ý	BD	800110779624	BENH VIEN BAI HOC Y DUOC, quyết định số 96/QĐ-BVPHYTĐ, hiệu lực từ ngày 21/03/2027	18.000	18.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
42	XC31	Klacid MR	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên nén giải phóng hiệu lực	Hộp 1 vỉ x 5 viên	AbbVie S.r.l./Ý	BD	800110982024	BV TW Quận Đức 108, quyết định số 92/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 5/2/2027	36.375	36.375	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
43	XC32	Dalacin C	Clindamycin (dạng Clindamycin Hydrochloride)	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 8 viên	Fareva Antibiotique/Pháp	BD	VN-18404-14	BV TW Quận Đức 108, quyết định số 92/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 5/2/2027	11.273	11.273	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
44	XC35	Ethicon 50mg	Ibuprofen hydrobromide	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Kasyma Pharmaceutics K.K., Kasyma Plant/Nhật	BD	VN-18978-15	BV TW Quận Đức 108, quyết định số 92/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 5/2/2027	4.796	4.536	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
45	XC49	Xyzal	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	UCB Facsim S.A., đồng gửi + xuất xưởng Aescia Pharmaceutics S.r.l./Ý- CSSX; Thụy Sĩ, đồng gửi + xuất xưởng Ý	BD	VN-19469-15	BENH VIEN BAI HOC Y DUOC, quyết định số 96/QĐ-BVPHYTĐ, hiệu lực từ ngày 27/03/2027	7.480	7.480	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
46	XC54	Solo-Medrol	Methylprednisolone (dạng Methylprednisolone natri succinat)	40mg	Tiền/tyên tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông bào gói phân chia Lọ	Hộp 10 lọ Acet-O-Vial lml	Pfizer Manufacturing Belgium NV/ Bỉ	BD	VN-20330-17	BV TW Quận Đức 108, quyết định số 92/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 5/2/2027	41.871	41.871	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
47	XC70	Vasarel MR	Trimastazine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên nén bào gói phân chia khiến sôi	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Las Laboratoires Servier Industrie/Pháp	BD	VN-17735-14	BV TW Quận Đức 108, quyết định số 92/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 5/2/2027	2.705	2.705	Công ty TNHH Một thành viên Dược liên TW 2	
48	XC18	Bilason	Bilastin	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Union Pharmaceutics Pvt Ltd. - India	N2	890110180525	Bệnh viện Quân y 154, quyết định số 486/QĐ-BVQY, hiệu lực từ ngày 11/03/2027	8.600	8.600	CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUỐC PHẨM GREEN VIỆT NAM	
49	XC48	Ketoflon Hefker 1 mg	Ketoflon (dạng Ketoflon hydrogen fumarate)	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	S.C. AC Hefker S.R.L. Romania	N1	VN-21267-42	Bệnh viện Quân y 103, quyết định số 1383/QĐ- BVQY 103, hiệu lực từ ngày 22/07/2027	5.420	5.420	CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUỐC PHẨM GREEN VIỆT NAM	

STT	Mã thuốc mã chào gọi	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Những chỉ định lâm sàng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nhà sản xuất	Nhãn TCKT	SĐK hoặc CPN	Kết quả kiểm tra theo mẫu	Đơn giá trung tâm dược (VNĐ)	Đơn giá đã nghiệm dùng (VNĐ)	Tên nhà cung cấp	Yêu cầu khác
50	XCS1	Alphavitin	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) + Riboflavin sodium phosphate (Vitamin B2) + Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) + Cholecalciferol (Vitamin D3) + D,L-alpha-Tocopheryl acetat (Vitamin E) + Nicotinamid (Vitamin PP) + Desquaphenol + Calcit (dạng dạng Calcit hexat pentahydrat)	(100mg + 1mg + 1,15mg + 2mg + 133,35IU + 5mg + 6,65mg + 3,35mg + 43,35mg)/5ml x 10ml	Siro	Ông	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Việt Nam	N4	893100843024 (SĐK cũ VD- 3313F-19)	Bệnh viện Phụ sản Trung ương, quyết định số 1023/QĐ- PSTW, hiệu lực từ ngày 04/05/2027	12.000	12.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM GREEN VIỆT NAM	
51	XCS3	Nutrabal F	Lysin hydrochlorid + Calcit (dạng dạng Calcit glycerophosphat) + Phospho (dạng dạng Calcit glycerophosphat và Acid glycerophosphoric) + Thiamin hydrochlorid + Pyridoxin hydrochlorid + Riboflavin natri phosphate + Nicotinamid + Alphacacophenol acetat	(200mg + 86,7mg + 133,3mg + 2mg + 4mg + 2,3mg + 13,3mg + 10mg)/ 10ml x 10ml	Siro thuốc	Ông	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Việt Nam	N4	893100262800 (SĐK cũ VD- 1864-13)	Bệnh viện Trung ương Quân đội 104, quyết định số 2699/QĐ-BV, hiệu lực từ ngày 16/04/2027	7.500	7.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM GREEN VIỆT NAM	
52	XC46	LINEZIN	Ken (dạng dạng Ken sulfat heptahydrat)	4mg/ml x 5ml	Siro uống	Ông	Hộp 20 ống x 5 ml	Công ty Cổ Phần Dược VTTT Hà Nam - Việt Nam	N4	893110039323	Bệnh viện Phụ sản Trung ương, quyết định số 1023/QĐ- PSTW, hiệu lực từ ngày 04/05/2027	8.000	8.000	Công ty TNHH Thương mại được phân Hasceno Việt Nam	
53	XC47	Siro Smapet	Kem nguyên bản (dạng dạng Kem glucosac 50mg)	8mg/5ml x 10ml	Siro	Ông	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty Cổ Phần Dược VTTT Hà Nam - Việt Nam	N4	893100919424 (SĐK cũ VD- 21199-14)	Bệnh viện Bạch Mai, quyết định số 4329/QĐ-SM, hiệu lực từ ngày 08/08/2027	9.000	9.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm HD Hà Nội	
54	XCS2	Banecore	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid + Riboflavin Natri phosphate Pyridoxin hydrochlorid + Cholecalciferol + D,L-α-Tocopheryl acetat + Nicotinamid + Desquaphenol + Calcit (dạng dạng Calcitacetat pentahydrat)	(300 mg + 3mg + 3,5mg + 6mg + 400IU + 15mg + 20mg + 10 mg + 130 mg)/5ml x 7,5ml	Siro thuốc	Ông	Hộp 20 ống x 7,5 ml	Công ty Cổ Phần Dược VTTT Hà Nam - Việt Nam	N4	893100234625 (SĐK cũ VD- 3438S-20)	Bệnh viện Phụ sản Trung ương, quyết định số 1023/QĐ- PSTW, hiệu lực từ ngày 04/05/2027	12.400	12.400	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm HD Hà Nội	Yêu cầu thực hiện cam kết và giải đáp bản thuốc cũ giá thuộc trung tâm của các Bệnh viện trên cùng địa bàn TP. Hà Nội.
55	XCS7	Ebaset 10 mg	Ebaset	10mg	Uống	Viên Viên nén bao phim	Hộp 3 v x 10 viên	Industria Farmaceutica Alimul, S.A.Ty Ban Nha	BDQ	840110187300	Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng, quyết định số 336/QĐ- BYĐP, hiệu lực từ ngày 18/05/2028	13.000	13.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGUYỄN KHÁNH	

